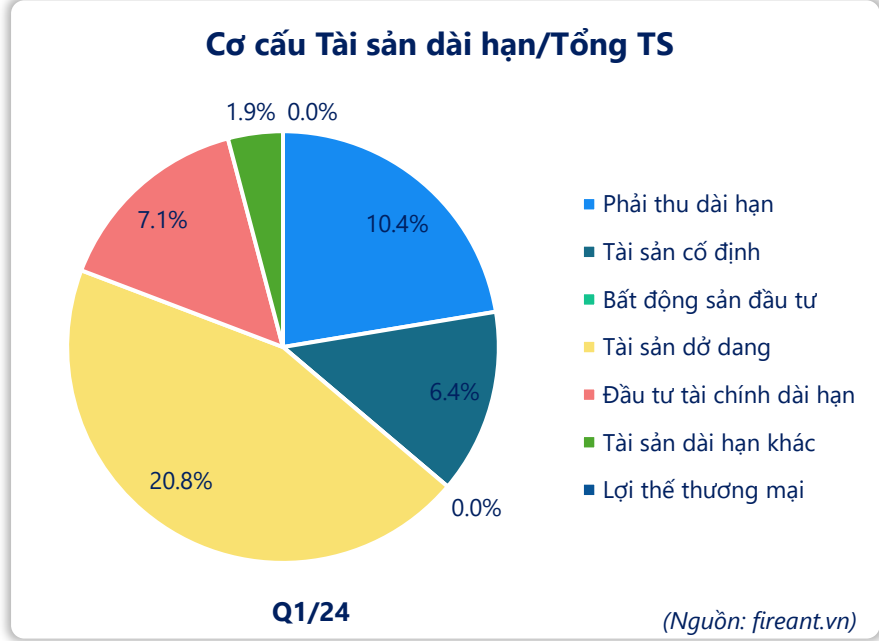
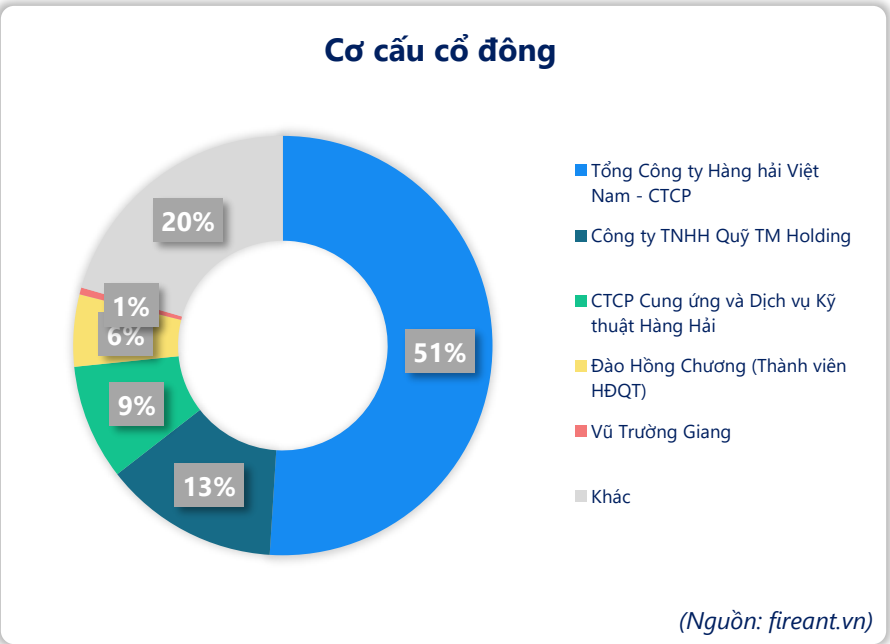
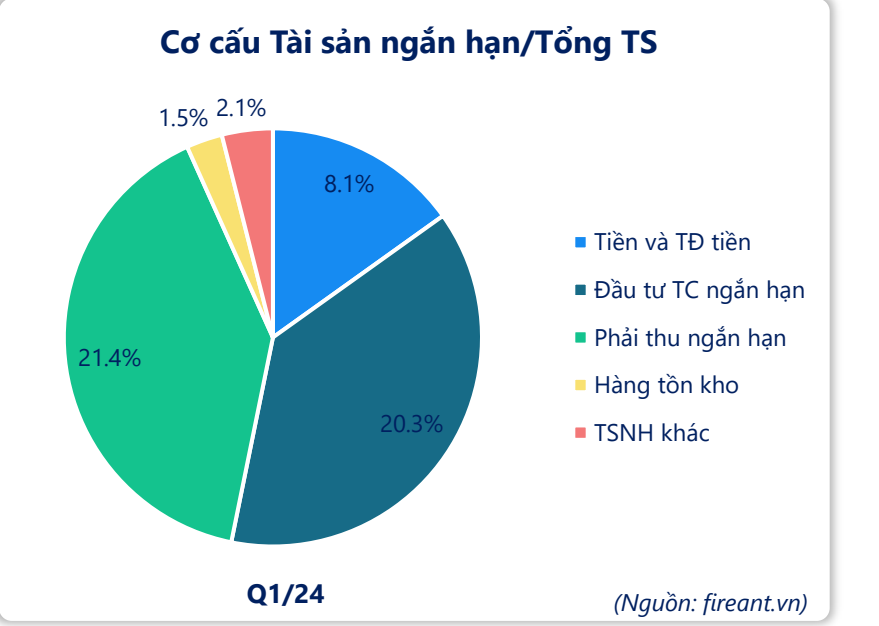
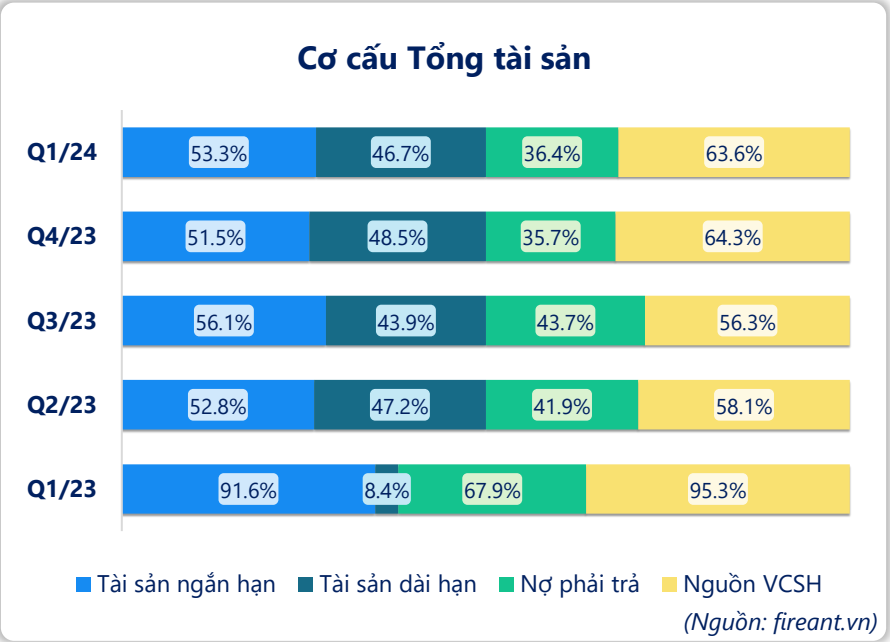
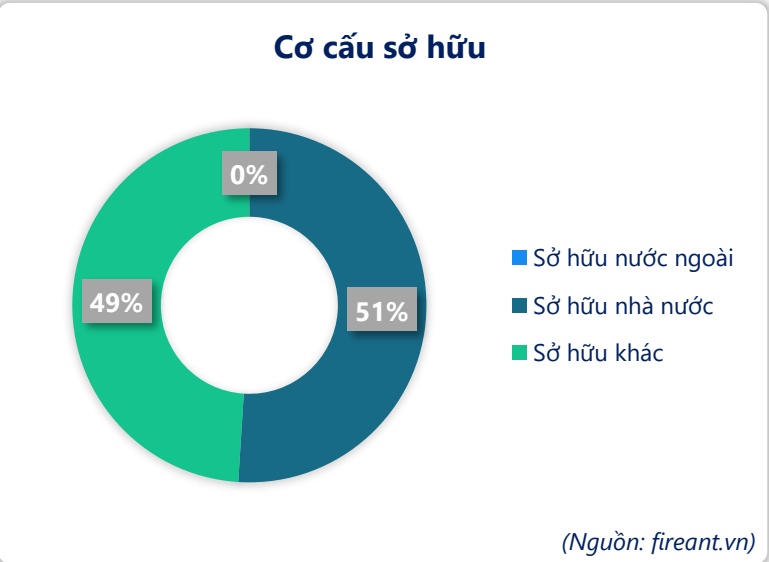
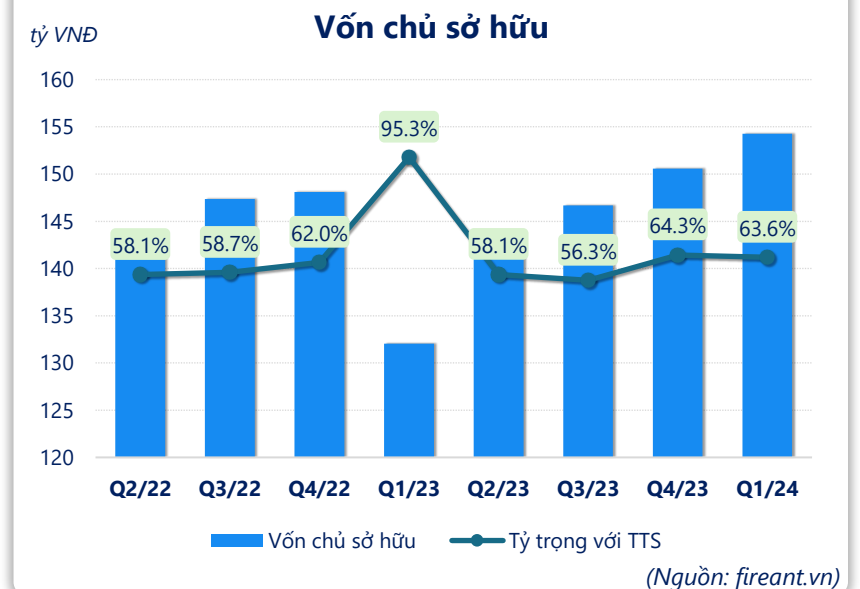
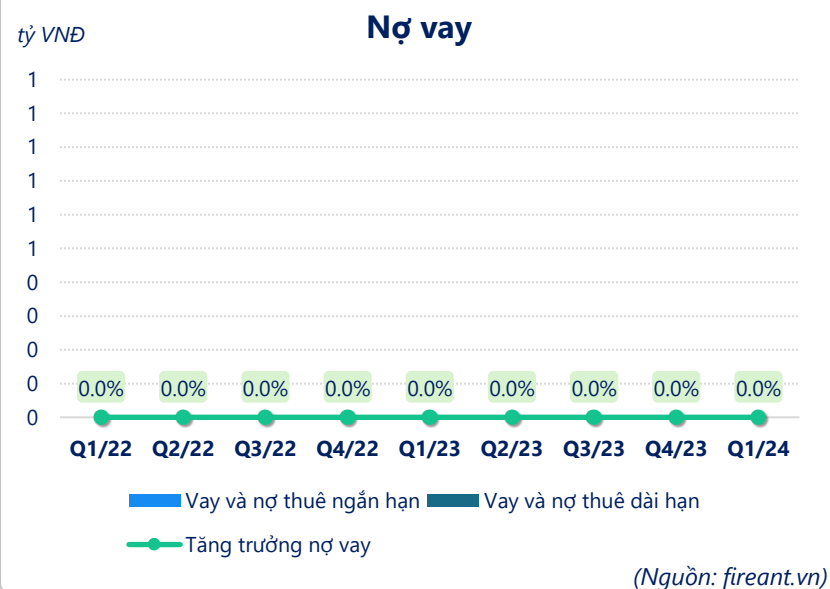
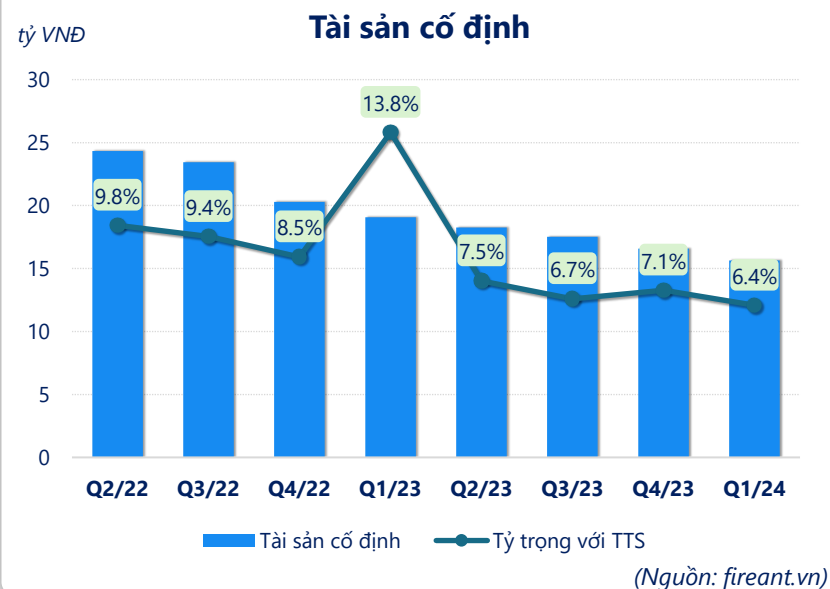
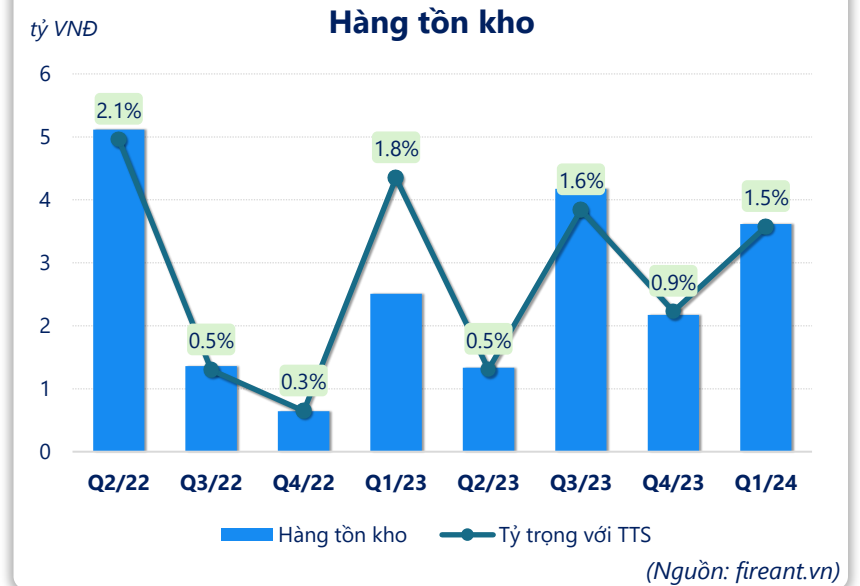
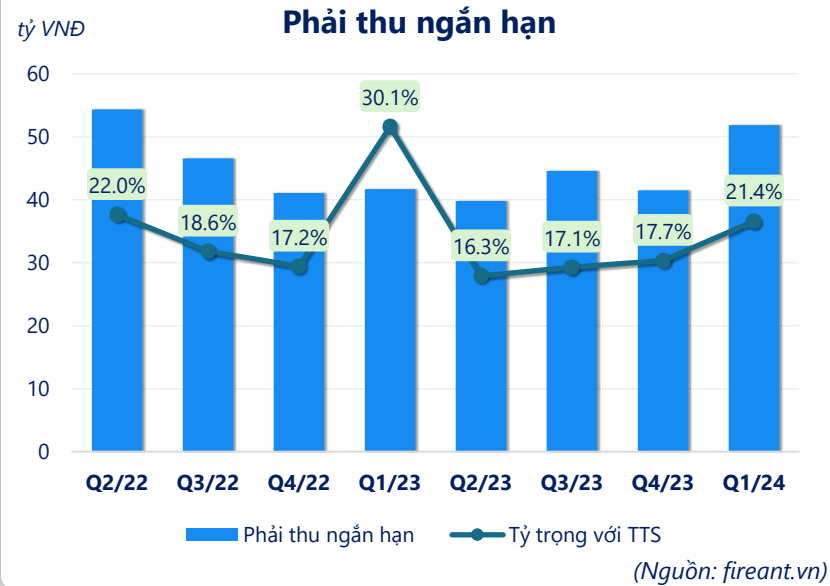
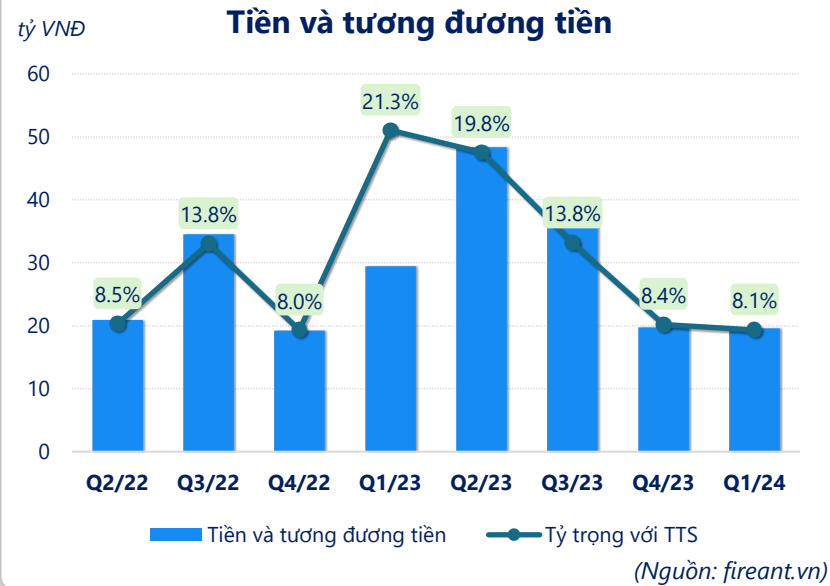
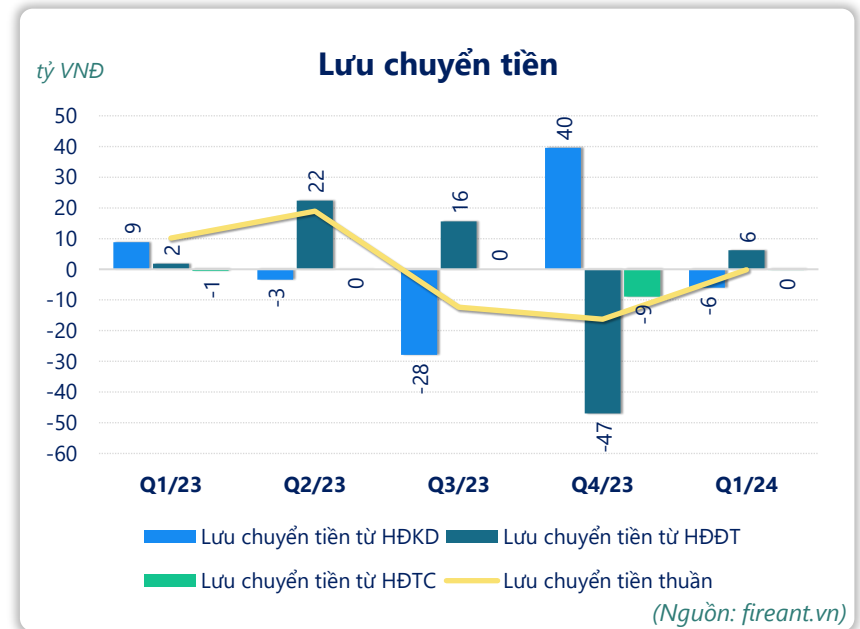
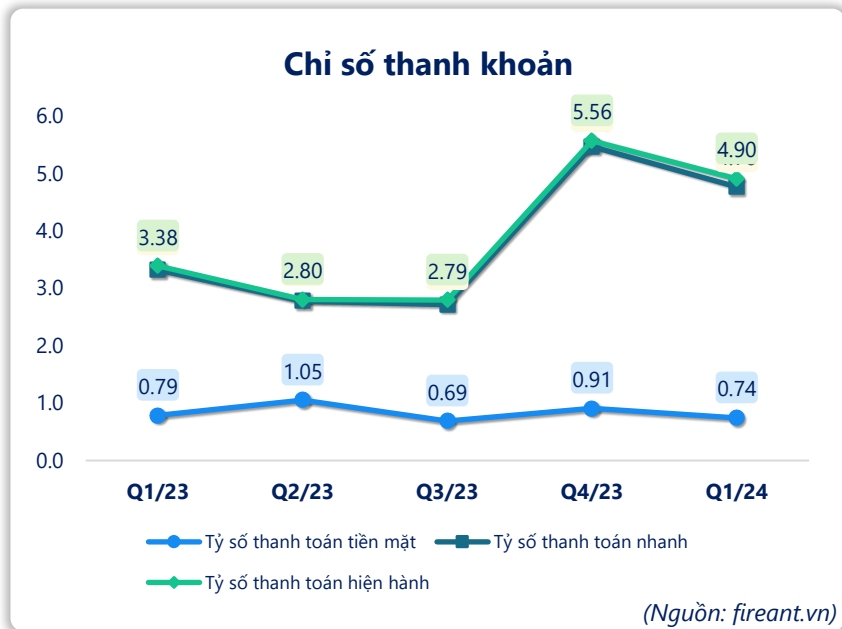
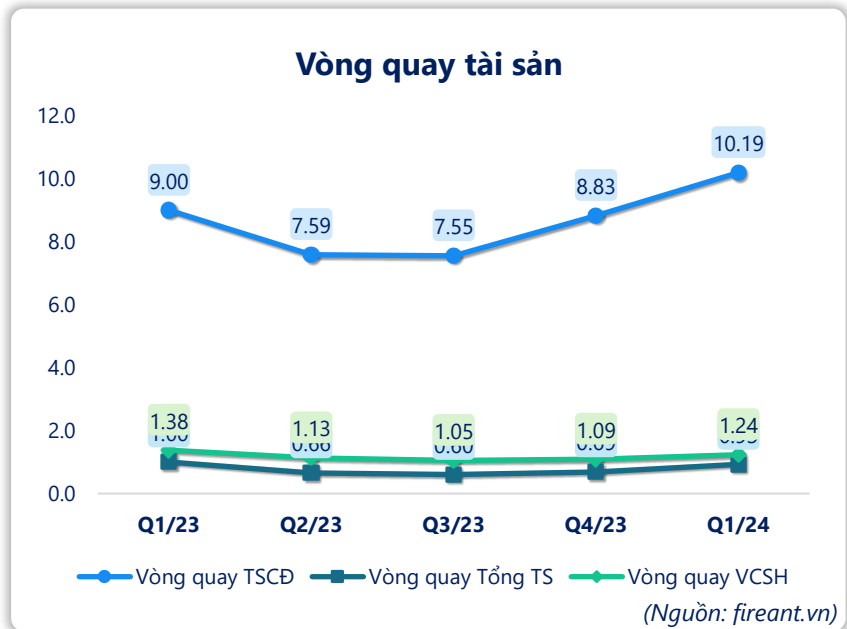
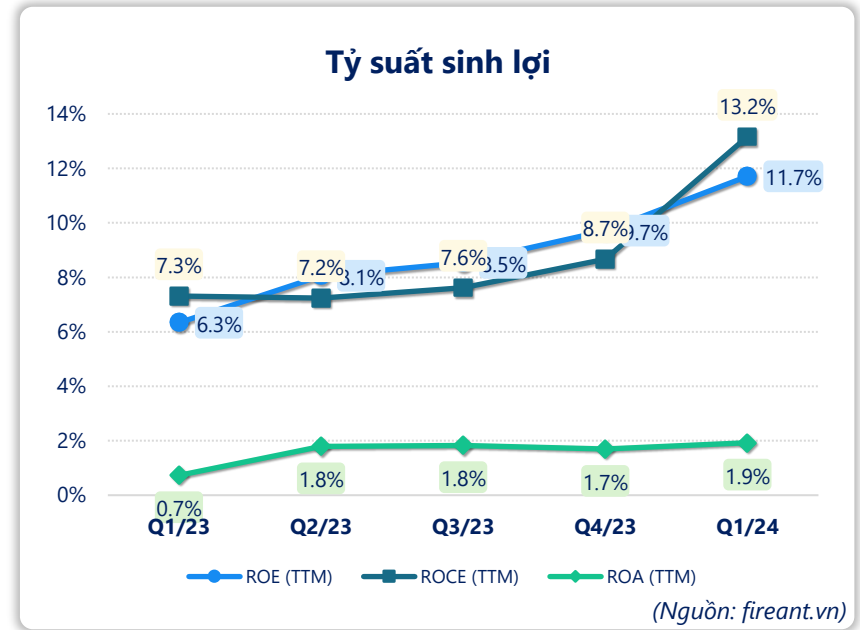
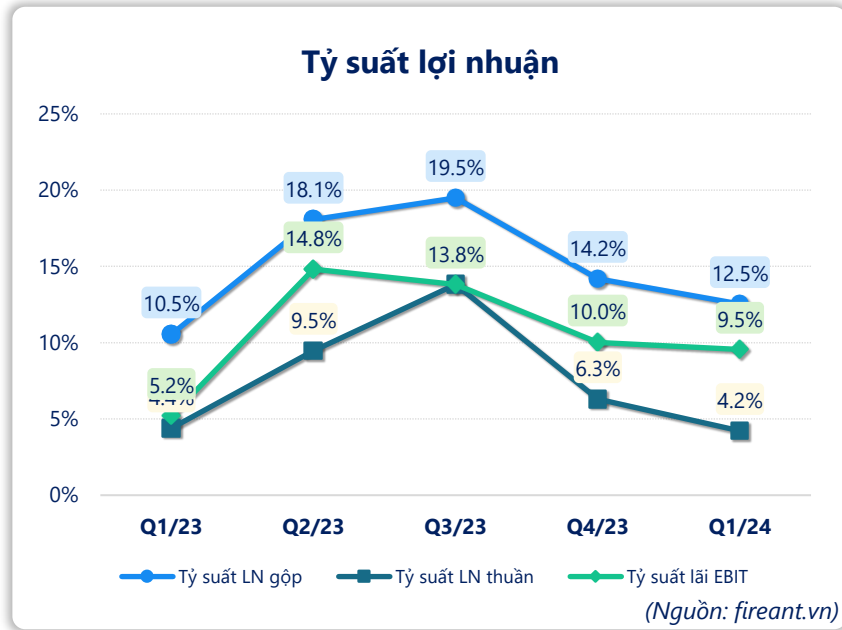
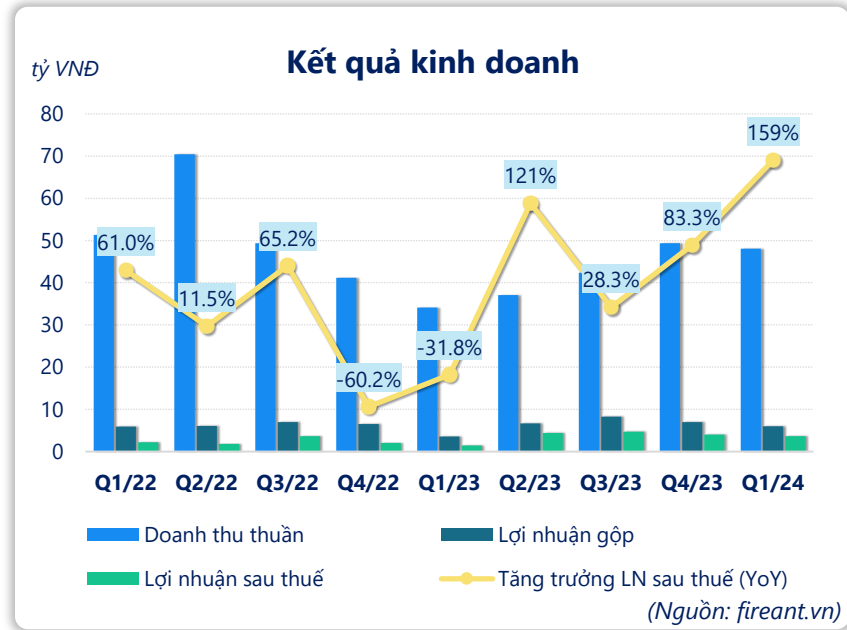


Thông tin giao dịch		31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		31,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,211
SL cổ phiếu LH		8,999,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)		22,360
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		281
P/E		16.8
EPS		1,862

	YTD	1T	3T	6T
VMS	-16.6%	-8.2%	-8.2%	2.0%
VNINDEX	13.5%	1.8%	14.4%	11.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	243	234	3.6%
Tài sản ngắn hạn	129	121	7.1%
Tiền và tương đương tiền	19.6	19.7	-0.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	49.3	54.1	-8.9%
Phải thu ngắn hạn	51.9	41.4	25.2%
Hàng tồn kho	3.62	2.17	66.3%
Tài sản ngắn hạn khác	5.09	3.39	50.3%
Tài sản dài hạn	113	114	-0.2%
Phải thu dài hạn	25.4	25.3	0.1%
Tài sản cố định	15.6	16.6	-5.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	50.5	50.2	0.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	17.1	17.1	0.0%
Tài sản dài hạn khác	4.66	4.30	8.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	88.5	83.7	5.7%
Nợ ngắn hạn	26.4	21.9	20.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.18	7.44	-3.4%
Nợ dài hạn	62.1	61.8	0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	154	151	2.4%
Vốn chủ sở hữu	154	151	2.4%
Vốn điều lệ	90.0	90.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Doanh thu thuần	34.1	37.1	42.4	49.3	48.1
Giá vốn hàng bán	30.5	30.4	34.1	42.3	42.0
Lợi nhuận gộp	3.60	6.70	8.26	7.00	6.03
Doanh thu HĐTC	1.06	1.10	1.26	1.12	0.63
Chi phí TC	-0.72	0.01	0.01	0.05	0.08
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.27	0.42	0.02	0.01	0.56
Chi phí QLDN	3.61	3.86	3.64	4.95	3.98
LN thuần từ HĐKD	1.49	3.51	5.86	3.11	2.03
Lợi nhuận khác	0.28	1.98	0	1.83	2.56
LN trước thuế	1.77	5.50	5.86	4.94	4.59
Lợi nhuận sau thuế	1.42	4.40	4.69	4.01	3.67
LNST của CĐ cty mẹ	1.42	4.40	4.69	4.01	3.67

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.83	-3.39	-27.9	39.6	-6.05
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.81	22.3	15.5	-46.9	6.19
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.52	0.00	0	-8.93	-0.28
Tiền đầu kỳ	19.3	29.5	48.4	36.0	19.7
Lưu chuyển tiền thuần	10.1	18.9	-12.4	-16.3	-0.14
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	-0.01	0
Tiền cuối kỳ	29.5	48.4	36.0	19.7	19.6

(Nguồn: fireant.vn)